CÔNG ƯỚC

VỀ XOÁ BỎ MỌI HÌNH THỨC PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ CHỐNG LẠI PHỤ NỮ, 1979

(Được thông qua và để mở cho các nước ký, phê chuẩn và gia nhập theo Nghị quyết 34/180 ngày 18/12/1979 của Đại hội đồng Liên Hợp Quốc.Có hiệu lực từ ngày 3/9/1981, theo điều 27 (1). Việt Nam phê chuẩn ngày 18/12/1982))

Lời mở đầu

Các quốc gia thành viên Công ước,

Lưu ý rằng, Hiến chương Liên Hợp Quốc khẳng định niềm tin vào các quyền con người cơ bản, vào nhân phẩm và giá trị của mỗi con người và vào các quyền bình đẳng giữa đàn ông và phụ nữ;

Lưu ý rằng, Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người khẳng định nguyên tắc không chấp nhận sự phân biệt đối xử và tuyên bố rằng tất cả mọi người đều sinh ra tự do và bình đẳng về nhân phẩm và các quyền, và rằng tất cả mọi người đều được hưởng tất cả các quyền và tự do được ghi nhận trong Tuyên ngôn mà không có bất kỳ sự phân biệt nào, kể cả sự phân biệt về giới tính;

Lưu ý rằng, các quốc gia thành viên hai Công ước quốc tế về quyền con người năm 1966 có nghĩa vụ bảo đảm các quyền bình đẳng giữa nam giới và phụ nữ trong việc hưởng thụ tất cả các quyền về dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội vào văn hóa.

Xem xét những Công ước quốc tế đó được ký dưới sự bảo trợ của Liên Hợp Quốc và các tổ chức chuyên môn của Liên Hợp Quốc nhằm thúc đẩy sự bình đẳng về các quyền giữa nam giới và phụ nữ;

Đồng thời lưu ý đến các nghị quyết, tuyên bố, khuyến nghị do Liên Hợp Quốc và các tổ chức chuyên mụn của Liên Hợp Quốc thông qua nhằm thúc đẩy sự bình đẳng về các quyền giữa nam giới và phụ nữ;

Tuy nhiên, *lo ngại rằng,* dự đã có những văn kiện kể trên, sự phân biệt đối xử chống lại phụ nữ vẫn đang tồn tại ở rất nhiều nơi;

Nhắc lại rằng, sự phân biệt đối xử chống lại phụ nữ vi phạm các nguyên tắc bình đẳng về các quyền và tôn trọng nhân phẩm, là một trở ngại với sự tham gia của phụ nữ, trên cơ sở bình đẳng với đàn ông, vào đời sống văn hoá, kinh tế, xã hội và chính trị của quốc gia họ, làm ảnh hưởng tới sự thịnh vượng của xã hội và gia đình, và gây nhiều khó khăn cho sự phát triển đầy đủ các khả năng tiềm tàng của phụ nữ trong việc phục vụ đất nước và loài người;

Lo ngại rằng, trong những hoàn cảnh nghèo khổ, phụ nữ là những người có ít cơ hội nhất trong việc hưởng lương thực, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, đào tạo, các cơ hội về việc làm và các nhu cầu khác;

Tin tưởng rằng, việc thiết lập một trật tự kinh tế quốc tế mới dựa trên sự Công bằng và Công lý sẽ góp phần đáng kể vào việc thúc đẩy thực hiện bình đẳng giữa nam giới và phụ nữ;

Nhấn mạnh rằng, việc xóa bỏ chủ nghĩa a-pác-thai, tất cả các hình thức phân biệt chủng tộc và chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới, sự xâm lược, chiếm đóng, thống trị và can thiệp của nước ngoài vào Công việc nội bộ của các nước là thiết yếu để bảo đảm sự hưởng thụ đầy đủ các quyền của cả nam giới và phụ nữ;

Khẳng định rằng, việc củng cố hoà bình và an ninh quốc tế, giảm căng thẳng quốc tế, sự hợp tác giữa tất cả các quốc gia không phân biệt chế độ kinh tế, xã hội, việc giải trừ quân bị toàn diện toàn diện và triệt để, đặc biệt đối với vũ khí hạt nhân dưới sự kiểm soát quốc tế chặt chẽ và có hiệu quả, việc khẳng định các nguyên tắc công bằng, bình đẳng và cùng có lợi trong quan hệ giữa các nước, việc thực hiện quyền tự quyết và độc lập của các dân tộc còn đang phải sống dưới ách đô hộ của chủ nghĩa thực dân và dưới sự chiếm đóng của nước ngoài cũng như việc tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của các quốc gia, sẽ thúc đẩy sự phát triển và tiến bộ xã hội, và do vậy, sẽ góp phần đạt được sự bình đẳng hoàn toàn giữa nam giới và phụ nữ;

Tin tưởng rằng, sự phát triển đầy đủ và toàn diện của một quốc gia, sự giàu mạnh của thế giới và sự nghiệp hoà bình đòi hỏi sự tham gia tối đa của phụ nữ vào tất cả các lĩnh vực, trên cơ sở bình đẳng với nam giới;

Ghi nhớ sự đóng góp lớn lao của phụ nữ vào hạnh phúc gia đình và vào sự phát triển của xã hội mà lâu nay chưa được công nhận đầy đủ, ghi nhớ ý nghĩa xã hội của việc làm mẹ, và vai trò của cả bố lẫn mẹ trong gia đình và trong nuôi dạy trẻ em; và nhận thức rằng, vai trò của phụ nữ trong việc sinh đẻ không thể được viện dẫn làm cơ sở cho sự phân biệt đối xử, và rằng, việc nuôi dạy trẻ em đòi hỏi có sự chia sẻ trách nhiệm giữa đàn ông và phụ nữ và xã hội nói chung;

Nhận thức rằng, một sự thay đổi về vai trò truyền thống của nam giới cũng như của phụ nữ trong xã hội và trong gia đình là cần thiết để đạt được sự bình đẳng đầy đủ giữa nam giới và phụ nữ;

Quyết tâm thực hiện các nguyên tắc đề ra trong Tuyên bố về xoá bỏ sự phân biệt đối xử chống lại phụ nữ, và nhằm mục đích đó, thông qua các biện pháp cần thiết để xoá bỏ tất cả những sự phân biệt đối xử như vậy dưới tất cả những hình thức và biểu hiện của chúng.

Đó thoả thuận như sau:

Phần I

Điều 1.

Vì những mục đích của Công ước này, thuật ngữ "phân biệt đối xử với phụ nữ" sẽ có nghĩa là bất kỳ sự phân biệt, loại trừ hay hạn chế nào được đề ra dựa trên cơ sở giới tính, mà có tác dụng hoặc nhằm mục đích làm tổn hại hoặc vô hiệu hóa việc phụ nữ, bất kể tình trạng hôn nhân của họ như thế nào, được công nhận, hưởng thụ hay thực hiện các quyền con người và tự do cơ bản trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, dân sự hay bất kể lĩnh vực nào khác, trên cơ sở bình đẳng giữa nam giới và phụ nữ.

Điều 2.

Các quốc gia thành viên Công ước lên án sự phân biệt đối xử chống lại phụ nữ thể hiện dưới mọi hình thức, đồng ý áp dụng tất cả những biện pháp thích hợp và không chậm trễ để thực hiện một chính sách xoá bỏ phân biệt đối xử chống lại phụ nữ, và nhằm mục đích đó, cam kết:

a) Thể hiện nguyên tắc bình đẳng nam nữ vào hiến pháp nước mình, hoặc vào các văn bản pháp luật thích hợp khác, nếu như việc này chưa được thực hiện, và bảo đảm, thông qua pháp luật và các biện pháp khác, việc thực hiện các nguyên tắc này trên thực tế;

b) Thông qua các biện pháp pháp lý và các biện pháp thích hợp khác, kể cả việc trừng phạt trong những trường hợp cần thiết, nhằm ngăn cấm tất cả các hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ;

c) Thiết lập sự bảo vệ về mặt luật pháp các quyền của phụ nữ trên cơ sở bình đẳng với nam giới và đảm bảo bảo vệ phụ nữ một cách có hiệu quả chống lại bất kỳ hành động phân biệt đối xử nào thông qua các Tòa án quốc gia có thẩm quyền và các thiết chế công cộng khác;

d) Kiềm chế tham gia bất kỳ hành động hoặc hoạt động nào có tính chất phân biệt đối xử chống lại phụ nữ và bảo đảm rằng các giới chức và cơ quan chính quyền sẽ hành động phù hợp với nghĩa vụ này;

e) Thực hiện tất cả các biện pháp thích hợp nhằm xoá bỏ sự phân biệt đối xử chống lại phụ nữ do bất kỳ cá nhân, tổ chức hoặc cơ quan nào tiến hành;

f) Thực hiện tất cả các biện pháp thích hợp, kể cả về mặt pháp lý, nhằm sửa đổi hoặc xoá bỏ các luật và văn bản pháp luật hiện hành, các tập quán và phong tục tạo nên sự phân biệt đối xử chống lại phụ nữ;

g) Hủy bỏ tất cả quy định hình sự quốc gia mà tạo nên sự phân biệt đối xử chống lại phụ nữ.

Điều 3.

Các quốc gia thành viên Công ước phải tiến hành mọi biện pháp thích hợp, kể cả về mặt lập pháp, trên tất cả các lĩnh vực, đặc biệt là về chính trị, xã hội, kinh tế và văn hóa, để đảm bảo sự phát triển và tiến bộ đầy đủ của phụ nữ, với mục đích đảm bảo cho họ thực hiện và được hưởng các quyền của con người và tự do cơ bản trên cơ sở bình đẳng với nam giới.

Điều 4.

1. Việc các quốc gia thành viên Công ước thông qua những biện pháp đặc biệt tạm thời nhằm thúc đẩy nhanh sự bình đẳng trên thực tế giữa phụ nữ và nam giới sẽ không bị coi là phân biệt đối xử như đã định nghĩa trong Công ước này, nhưng với điều kiện là không vì thế mà đưa đến việc duy trì những tiêu chuẩn bất bình đẳng hoặc khác nhau giữa nam giới và phụ nữ; và những biện pháp này phải được chấm dứt khi các mục tiêu bình đẳng về cơ hội và đối xử giữa nam giới và phụ nữ đó đạt được.

2. Việc các quốc gia thành viên Công ước thông qua những biện pháp đặc biệt nhằm bảo vệ thiên chức làm mẹ, kể cả các biện pháp đã định nghĩa trong Công ước này, sẽ không bị coi là phân biệt đối xử.

Điều 5.

Các quốc gia thành viên Công ước phải tiến hành tất cả các biện pháp thích hợp để:

a) Sửa đổi các khuôn mẫu văn hóa - xã hội về hành vi của nam giới và phụ nữ, nhằm đạt được việc xoá bỏ những thành kiến, phong tục tập quán và tất cả những hành động khác mà dựa trên tư tưởng cho giới này là hơn, cho giới kia là kém, hoặc dựa trên nhận thức mang tính rập khuôn về vai trò của nam giới và phụ nữ.

b) Để bảo đảm rằng giáo dục về gia đình bao gồm một sự hiểu biết phù hợp về tính chất xã hội của chức năng làm mẹ và công nhận trách nhiệm chung của cả cha và mẹ đối với sự trưởng thành và phát triển của trẻ em con cái họ. Cần phổ biến nhận thức rằng trong tất cả các trường hợp, lợi ích của trẻ em cần phải đặt lên hàng đầu.

Điều 6.

Các quốc gia thành viên Công ước phải tiến hành tất cả các biện pháp thích hợp, kể cả về lập pháp, để xoá bỏ tất cả các hình thức buôn bán phụ nữ và bóc lột mại dâm phụ nữ.

Phần II

Điều 7.

Các quốc gia thành viên Công ước phải tiến hành tất cả các biện pháp thích hợp nhằm xoá bỏ sự phân biệt đối xử chống lại phụ nữ trong đời sống chính trị và công cộng của đất nước, cụ thể, phải đảm bảo cho phụ nữ, trên cơ sở bình đẳng với nam giới, các quyền:

a) Bỏ phiếu trong tất cả các cuộc bầu cử, trưng cầu ý dân, và ứng cử vào tất cả các cơ quan mà áp dụng chế độ tuyển cử công khai:

b) Tham gia vào việc xây dựng và thực hiện các chính sách của chính phủ, giữ các chức vụ trong các cơ quan công cộng và thực hiện tất cả chức năng công cộng ở mọi cấp chính quyền;

c) Tham gia các tổ chức và hiệp hội phi chính phủ liên quan đến đời sống công cộng và chính trị của đất nước.

Điều 8.

Các quốc gia thành viên Công ước phải tiến hành tất cả các biện pháp thích hợp nhằm đảm bảo cho phụ nữ, trên cơ sở bình đẳng với nam giới mà không có sự phân biệt đối xử nào, có cơ hội đại diện cho chính phủ của họ ở cấp quốc tế và tham gia vào công việc của các tổ chức quốc tế.

Điều 9.

1. Các quốc gia thành viên Công ước phải dành cho phụ nữ quyền bình đẳng với nam giới trong việc nhập, thay đổi hay giữ nguyên quốc tịch của mình. Cụ thể, các nước phải bảo đảm rằng việc

kết hôn với người nước ngoài hay sự thay đổi quốc tịch của người chồng trong thời gian hôn nhân sẽ không tự động dẫn tới việc thay đổi quốc tịch của người vợ, hoặc biến người vợ thành người không có quốc tịch hay buộc người vợ phải lấy quốc tịch của chồng.

2. Các quốc gia thành viên Công ước phải bảo đảm cho phụ nữ các quyền bình đẳng với nam giới trong các vấn đề liên quan đến quốc tịch của con cái họ.

Phần III

Điều 10.

Các quốc gia thành viên Công ước phải áp dụng tất cả các biện pháp thích hợp để xoá bỏ sự phân biệt đối xử chống lại phụ nữ nhằm bảo đảm cho họ được hưởng các quyền bình đẳng với nam giới trong lĩnh vực giáo dục, cụ thể nhằm bảo đảm những vấn đề dưới đây, trên cơ sở bình đẳng nam nữ:

a) Những điều kiện như nhau trong giáo dục hướng nghiệp, học nghề, tiếp cận với các hoạt động nghiên cứu và đạt được bằng cấp ở các cơ sở giáo dục thuộc những tất cả các loại hình khác nhau, ở vùng nông thôn cũng như thành thị; sự bình đẳng này phải được bảo đảm từ giai đoạn giáo dục mẫu giáo, phổ thông, đào tạo kỹ thuật, chuyên môn, kể cả đào tạo kỹ thuật bậc cao, cũng như tất cả các loại hình đào tạo nghề;

b) Có những chương trình giảng dạy và thi cử như nhau, các giáo viên với trình độ chuyên môn tương đương, cơ sở vật chất và trang bị của trường học có chất lượng tương đương;

c) Xóa bỏ bất kỳ quan niệm rập khuôn nào về vai trò của nam giới và phụ nữ ở tất cả các cấp và trong tất cả các hình thức giáo dục, bằng cách khuyến khích hình thức giáo dục chung cho cả học sinh nam nữ và các hình thức giáo dục khác mà có tác dụng đạt tới mục tiêu này, đặc biệt là bằng cách sửa lại các sách giáo khoa, chương trình học tập, và điều chỉnh các phương pháp giảng dạy;

d) Nam giới và phụ nữ có những cơ hội như nhau về học bổng và các trợ cấp học tập khác;

e) Phụ nữ được tạo những cơ hội như nam giới trong việc tham gia các chương trình giáo dục thường xuyên, kể cả các chương trình xóa mù chữ chức năng cho người lớn, đặc biệt là những chương trình nhằm thu hẹp trong thời gian ngắn nhất có thể bất kỳ khoảng cách nào về giáo dục giữa nam giới và phụ nữ;

f) Giảm tỷ lệ nữ sinh bỏ học và tổ chức các chương trình dành cho những phụ nữ và trẻ em gỏi đó phải bỏ học;

g) Đảm bảo cơ hội bình đẳng trong việc tham gia tích cực vào các hoạt động giáo dục thể chất và các hoạt động thể thao;

h) Bình đẳng trong việc tiếp cận với những thông tin giáo dục riêng biệt về đảm bảo sức khỏe và hạnh phúc gia đình, kể cả những thông tin và tư vấn về kế hoạch hóa gia đình.

Điều 11.

1. Các quốc gia thành viên Công ước phải áp dụng tất cả những biện pháp thích hợp để xoá bỏ sự phân biệt đối xử chống lại phụ nữ trong lĩnh vực việc làm, nhằm đảm bảo những quyền như nhau trên cơ sở bình đẳng nam nữ, cụ thể là:

a) Quyền được làm việc, một quyền không thể chuyển nhượng của tất cả mọi người;

b) Quyền được hưởng các cơ hội có việc làm như nhau, kể cả việc áp dụng những tiêu chuẩn như nhau khi tuyển dụng;

c) Quyền tự do lựa chọn ngành nghề và việc làm, quyền thăng chức, an ninh việc làm, tất cả các phúc lợi và điều kiện dịch vụ, quyền được đào tạo nghề và được đào tạo lại, kể cả thực tập nghề, đào tạo nâng cao và đào tạo định kỳ;

d) Quyền được trả thù lao bình đẳng, kể cả trong việc hưởng các phúc lợi, được trả lương như nhau khi làm những Công việc có giá trị ngang nhau, cũng như được đối xử như nhau trong việc đánh giá chất lượng công việc;

e) Quyền được hưởng an sinh xã hội, đặc biệt trong các trường hợp về hưu, thất nghiệp, đau ốm, tàn tật, tuổi già và các tình trạng mất khả năng lao động khác, cũng như quyền được nghỉ phép có hưởng lương;

f) Quyền được bảo vệ sức khỏe và an toàn lao động, kể cả bảo vệ chức năng sinh đẻ.

2. Nhằm ngăn chặn sự phân biệt đối xử chống lại phụ nữ với lý do hôn nhân hay sinh đẻ, để đảm bảo một cách hiệu quả quyền về việc làm cho phụ nữ, các quốc gia thành viên Công ước phải áp dụng các biện pháp thích hợp nhằm:

a) Cấm những hành động kỷ luật, sa thải phụ nữ với lý do có thai hay nghỉ đẻ, và có sự phân biệt đối xử trong việc sa thải phụ nữ vỡ lý do hôn nhân;

b) Áp dụng chế độ nghỉ đẻ vẫn hưởng lương hoặc được hưởng các phúc lợi xã hội tương đương mà không bị mất việc làm cũ, mất thâm niên, hay các phụ cấp xã hội;

c) Khuyến khích việc cung cấp những dịch vụ xã hội cần thiết hỗ trợ cho các bậc cha mẹ để giúp họ có thể kết hợp các nghĩa vụ gia đình với trách nhiệm Công tác và tham gia các hoạt động công cộng, cụ thể bằng cách thúc đẩy việc thiết lập và sự phát triển của hệ thống các cơ sở chăm sóc trẻ em;

d) Đảm bảo sự bảo vệ đặc biệt đối với phụ nữ trong thời kỳ mang thai trong những loại công việc đã được chứng minh là có hại cho họ.

e) Các quy định pháp luật về bảo vệ phụ nữ liên quan đến những vấn đề được đề cập trong điều này phải được định kỳ xem xét lại, đối chiếu với những tiến bộ mới của khoa học và kỹ thuật, để sửa đổi, hủy bỏ hoặc mở rộng nếu cần thiết.

Điều 12.

1. Các quốc gia thành viên Công ước phải áp dụng tất cả các biện pháp thích hợp để xoá bỏ sự phân biệt đối xử chống lại phụ nữ trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, nhằm đảm bảo cho họ, trên

cơ sở bình đẳng nam nữ, được tiếp cận với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, bao gồm những dịch vụ liên quan đến kế hoạch hóa gia đình.

2. Ngoài những quy định trong khoản 1 điều này, các quốc gia thành viên Công ước phải đảm bảo cho phụ nữ các dịch vụ thích hợp liên quan đến việc thai nghén, sinh đẻ và thời gian sau khi đẻ, cung cấp các dịch vụ không phải trả tiền nếu cần thiết, đảm bảo cho phụ nữ có đầy đủ dinh dưỡng trong thời gian mang thai và cho con bú.

Điều 13.

Các quốc gia thành viên Công ước phải áp dụng tất cả các biện pháp thích hợp để xoá bỏ sự phân biệt đối xử chống lại phụ nữ trong các lĩnh vực khác của đời sống kinh tế và xã hội, nhằm đảm bảo cho họ những quyền bình đẳng với nam giới, cụ thể là:

a) Quyền được hưởng trợ cấp gia đình;

b) Quyền vay tiền của ngân hàng, thế chấp tài sản và tham gia các hình thức tín dụng khác;

c) Quyền được tham gia các hoạt động giải trí, thể thao và vào tất cả các khía cạnh của đời sống văn hóa.

Điều 14.

1. Các quốc gia thành viên Công ước phải xem xét các vấn đề cụ thể đặt ra đối với phụ nữ nông thôn và vai trò quan trọng của phụ nữ nông thôn trong đời sống kinh tế của gia đình họ, bao gồm những Công việc của họ trong khu vực kinh tế không tính thành tiền, và phải áp dụng tất cả các biện pháp thích hợp để đảm bảo việc thực hiện các điều khoản của Công ước này đối với phụ nữ ở các vùng nông thôn.

2. Các quốc gia thành viên Công ước phải áp dụng tất cả các biện pháp thích hợp để xoá bỏ sự phân biệt đối xử chống lại phụ nữ ở các vùng nông thôn để đảm bảo, trên cơ sở bình đẳng nam nữ, việc họ tham gia phát triển nông thôn và được hưởng lợi từ sự phát triển đó; đặc biệt, các quốc gia thành viên Công ước phải đảm bảo cho phụ nữ nông thôn các quyền;

a) Được tham gia xây dựng và thực hiện các kế hoạch phát triển ở tất cả các cấp;

b) Được tiếp cận với những điều kiện chăm sóc sức khỏe thích đáng, kể cả về thông tin, tư vấn và những dịch vụ kế hoạch hóa gia đình;

c) Được hưởng lợi ích trực tiếp từ các chương trình an sinh xã hội;

d) Được tham gia tất cả các loại hình đào tạo, giáo dục, kể cả chính quy và không chính quy, bao gồm các chương trình xoá mù chữ, và ngoài những vấn đề khác, được hưởng lợi từ những dịch vụ chung trong cộng đồng để nâng cao năng lực kỹ thuật của họ;

e) Được tổ chức các nhóm tương trợ và các hợp tác xã của phụ nữ nhằm giúp nhau đạt được sự bình đẳng về cơ hội kinh tế qua các việc làm công ăn lương hoặc việc làm độc lập;

f) Được tham gia tất cả các hoạt động của cộng đồng;

g) Được tiếp cận với các loại hình tín dụng và vay vốn trên lĩnh vực nông nghiệp, những hỗ trợ về thị trường, kỹ thuật phù hợp và được đối xử bình đẳng trong cải cách ruộng đất, cải cách nông nghiệp, cũng như trong các dự án quy hoạch lại đất đai;

h) Được hưởng các tiêu chuẩn sống thích đáng, nhất là về vấn đề nhà ở, điều kiện vệ sinh, cung cấp điện nước, thông tin liên lạc và giao thông.

Phần IV

Điều 15.

1. Các quốc gia thành viên Công ước phải thừa nhận sự bình đẳng của phụ nữ với nam giới trước pháp luật.

2. Trong các quan hệ dân sự, các quốc gia thành viên Công ước phải thừa nhận phụ nữ có tư cách pháp lý giống như nam giới và những cơ hội như nhau để thực hiện tư cách đó. Cụ thể, các quốc gia thành viên phải trao cho phụ nữ quyền bình đẳng trong việc giao kết các hợp đồng, quản lý tài sản, và phải đối xử với họ một cách bình đẳng trong tất cả các giai đoạn tố tụng trước các Tòa án và cơ quan tài phán.

3. Các quốc gia thành viên Công ước nhất trí rằng, tất cả các hợp đồng và tất cả các tài liệu riêng tư khác, dưới bất kỳ dạng nào mà có tác động pháp lý dẫn đến việc hạn chế tư cách pháp lý của phụ nữ, sẽ bị coi là vụ giá trị và không có hiệu lực thi hành.

4. Các quốc gia thành viên Công ước phải đảm bảo cho đàn ông và phụ nữ có những quyền pháp lý như nhau Liên quan đến việc đi lại và tự do lựa chọn nơi cư trú, chỗ ở.

Điều 16.

1. Các quốc gia thành viên phải áp dụng tất cả các biện pháp thích hợp để xoá bỏ sự phân biệt đối xử chống lại phụ nữ trong tất cả các vấn đề liên quan đến hôn nhân và quan hệ gia đình, cụ thể phải bảo đảm những quyền dưới đây, trên cơ sở bình đẳng nam nữ:

a) Quyền kết hôn như nhau;

b) Quyền như nhau trong việc tự do lựa chọn người để kết hôn và chỉ kết hôn khi mình được tự do quyết định và hoàn toàn tự nguyện;

c) Quyền và trách nhiệm như nhau giữa vợ chồng trong thời gian hôn nhân cũng như khi hôn nhân bị hủy bỏ;

d) Quyền và trách nhiệm như nhau trong vai trò làm cha mẹ, bất kể tình trạng hôn nhân như thế nào, về các vấn đề liên quan đến con cái họ. Trong tất cả các trường hợp, lợi ích của con cái phải được coi là điều quan trọng nhất;

e) Quyền như nhau trong việc quyết định một cách tự do và có trách nhiệm về số con và khoảng cách giữa các lần sinh, quyền được tiếp cận với những thông tin, giáo dục và các phương tiện cho phép họ thực hiện các quyền này;

f) Quyền và trách nhiệm như nhau đối trong các vấn đề về nuôi dưỡng, giám hộ, bảo trợ, ủy thác và cho nhận con nuôi, hoặc trong những vấn đề tương tự ở những nơi mà các khái niệm này có trong pháp luật quốc gia. Trong tất cả các trường hợp, lợi ích của con cái phải được coi là điều quan trọng nhất;

g) Các quyền cá nhân như nhau giữa vợ và chồng, bao gồm quyền được lựa chọn tên họ, nghề nghiệp, việc làm của bản thân mình;

h) Các quyền như nhau của cả vợ và chồng đối với việc sở hữu, tiếp nhận, kiểm soát, quản lý, hưởng thụ và sử dụng tài sản, dù đó là tài sản không phải trả tiền, hay đó là tài sản có giá trị lớn;

2. Việc hứa hôn và kết hôn của trẻ em phải bị coi là không có hiệu lực pháp lý, và phải tiến hành tất cả các hành động cần thiết, kể cả lập pháp, nhằm quy định tuổi tối thiểu có thể kết hôn và để bảo đảm việc kết hôn phải được đăng ký một cách chính thức và bắt buộc.

Phần V

Điều 17.

1. Để xem xét những tiến bộ trong công việc thực hiện Công ước này, sẽ thành lập Uỷ ban về xóa bỏ sự phân biệt đối xử chống lại phụ nữ (dưới đây sẽ gọi tắt là Uỷ ban), bao gồm 18 uỷ viên vào thời điểm Công ước bắt đầu có hiệu lực, và sẽ tăng lên 23 người sau khi quốc gia thứ 35 phê chuẩn hoặc gia nhập Công ước - là những chuyên gia có uy tín đạo đức và thông thạo về các lĩnh vực được đề cập trong. Các uỷ viên Uỷ ban sẽ do các quốc gia thành viên Công ước lựa chọn trong số các Công dân của nước mình, các chuyên gia này đảm đương chức vụ với danh nghĩa cá nhân. Việc lựa chọn các uỷ viên Uỷ ban cần chú ý đến sự phân bố cân bằng về mặt địa lý và tính đại diện của các hình thỏi văn minh cũng như của các hệ thống pháp lý chủ yếu.

2. Các ủy viên của Uỷ ban được bầu bằng bỏ phiếu kín từ danh sách do các quốc gia thành viên Công ước đề cử. Mỗi quốc gia thành viên Công ước có quyền đề cử một ứng cử viên trong số các công dân của nước mình.

3. Lần bầu cử đầu tiên sẽ được tiến hành 6 tháng sau khi Công ước có hiệu lực. Tổng thư ký Liên Hợp Quốc sẽ gửi thư cho các quốc gia thành viên Công ước trước mỗi lần bầu cử ót nhất là 3 tháng, đề nghị họ trong vũng hai tháng phải giới thiệu ứng cử viên. Tổng thư ký Liên Hợp Quốc sẽ chuẩn bị một danh sách các ứng cử viên do các quốc gia giới thiệu theo thứ tự chữ cái, có ghi rõ quốc gia nào chỉ định và danh sách này được gửi cho các quốc gia thành viên Công ước.

4. Các ủy viên Uỷ ban sẽ được bầu trong một cuộc họp các quốc gia tham gia Công ước do Tổng thư ký triệu tập tại trụ sở Liên Hợp Quốc. Cuộc họp này phải có ót nhất 2/3 tổng số các nước thành viên Công ước tham gia thì mới có hiệu lực quyết định. Các ứng cử viên trúng cử là những người được nhiều phiếu nhất và phải đạt được đa số tuyệt đối phiếu bầu của các nước tham gia bầu cử.

5. Các ủy viên của Uỷ ban được bầu với nhiệm kỳ 4 năm. Tuy nhiên, nhiệm kỳ của 5 trong số các ủy viên trúng cử trong lần bầu đầu tiên sẽ kết thúc sau 2 năm. Ngay sau khi bầu cử lần đầu, chủ tịch Uỷ ban sẽ rút thăm để xác định tên của 5 ủy viên này.

6. Năm ủy viên bổ sung sẽ được bầu theo quy định ở các khoản 2, 3 và 4 điều 17, sau khi quốc gia thứ 35 phê chuẩn hoặc gia nhập Công ước. Nhiệm kỳ của 2 trong số 5 ủy viên được bầu bổ sung là 2 năm. Chủ tịch Uỷ ban sẽ rút thăm để xác định tên của 2 ủy viên này.

7. Trong trường hợp đột xuất, khi có một uỷ viên thôi không thực hiện nhiệm vụ nữa, thì quốc gia tham gia Công ước mà ủy viên này là công dân cần chỉ định người thay thế trong số các Công dân của mình, với điều kiện người thay thế phải được Uỷ ban thông qua.

8. Các uỷ viên Uỷ ban sẽ được nhận thù lao từ các nguồn của Liên Hợp Quốc, sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng và phù hợp với những điều kiện được Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua. Hình thức và điều kiện trả thù lao do Đại hội đồng quy định, căn cứ vào mức độ quan trọng của các trách nhiệm trong Uỷ ban.

9. Tổng thư ký Liên Hợp Quốc sẽ cung cấp nguồn nhân lực và phương tiện để Uỷ ban có thể hoàn thành một cách hữu hiệu các chức năng của mình theo quy định của Công ước này.

Điều 18.

1. Các quốc gia thành viên Công ước sẽ cam kết gửi cho Uỷ ban, qua Tổng thư ký Liên Hợp Quốc, để Uỷ ban xem xét báo cáo về những biện pháp lập pháp, tư pháp và hành chính hay các biện pháp khác mà họ đó tiến hành nhằm thực hiện các điều khoản của Công ước này và thông báo về những tiến bộ đạt được trong vấn đề này:

a) Trong thời gian một năm kể từ khi Công ước có hiệu lực đối với quốc gia;

b) Sau đó ít nhất cứ 4 năm một lần, và ngoài ra mỗi khi được Uỷ ban yêu cầu.

2. Các báo cáo nói trên cần chỉ rõ những yếu tố và những khú khăn làm ảnh hưởng đến mức độ hoàn thành nghĩa vụ nêu ra trong Công ước.

Điều 19.

1.Uỷ ban sẽ thông qua quy chế làm việc riêng của mình;

2. Uỷ ban sẽ bầu ra các quan chức của mình với nhiệm kỳ 2 năm.

Điều 20.

1. Uỷ ban họp thường kỳ mỗi năm một lần trong thời gian không quá 2 tuần để xem xét các báo cáo do các quốc gia thành viên Công ước gửi đến theo điều 18 Công ước này.

2. Các cuộc họp của Uỷ ban thông thường được tổ chức ở trụ sở của Liên Hợp Quốc, hoặc ở bất kỳ địa điểm thuận lợi nào do Uỷ ban quyết định.

Điều 21.

1. Hàng năm, thông qua Hội đồng Kinh tế và Xã hội, Uỷ ban sẽ báo cáo về các hoạt động của mình với Đại hội đồng Liên Hợp Quốc, và có thể nêu những gợi ý hoặc kiến nghị có tính chất tổng quát trên cơ sở xem xét các báo cáo, thông tin nhận được từ các quốc gia thành viên Công

ước. Những gợi ý và ý kiến ấy cần được nêu kèm theo báo cáo của Uỷ ban, cùng với ý kiến, nếu có, của các quốc gia thành viên Công ước.

2. Tổng thư ký Liên Hợp Quốc sẽ chuyển các báo cáo của Uỷ ban cho Uỷ ban về Địa vị của phụ nữ để tham khảo.

Điều 22.

Các tổ chức chuyên mụn của Liên Hợp Quốc có quyền cử đại diện tham gia xem xét việc thực hiện những điều khoản liên quan đến hoạt động của mình trong Công ước này. Uỷ ban có thể đề nghị các tổ chức chuyên mụn gửi báo cáo về việc thực hiện Công ước trong các lĩnh vực liên quan đến chức năng hoạt động của những tổ chức này.

Phần VI

Điều 23.

Những quy định của Công ước này không ảnh hưởng đến bất cứ kỳ quy định nào có lợi cho việc thực hiện bình đẳng nam nữ, mà có thể có trong:

a) Luật pháp của một quốc gia thành viên Công ước, hoặc

b) Trong bất kỳ Công ước, hiệp ước hoặc thỏa thuận quốc tế nào mà có hiệu lực pháp lý với nước đó.

Điều 24.

Các quốc gia thành viên Công ước cam kết sẽ áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết ở cấp độ quốc gia nhằm thực hiện đầy đủ các quyền đó được công nhận trong Công ước này.

Điều 25.

1. Công ước này sẽ để ngỏ cho tất cả các quốc gia ký.

2. Tổng thư ký Liên Hợp Quốc được giao nhiệm vụ lưu chiểu Công ước này.

3. Công ước này phải được phê chuẩn phải được gửi cho Tổng thư ký Liên Hợp Quốc lưu chiểu.

4. Công ước này để ngỏ cho tất cả các quốc gia gia nhập. Việc gia nhập được thực hiện bằng cách nộp văn kiện xin gia nhập Công ước cho Tổng thư ký Liên Hợp Quốc.

Điều 26.

1. Bất kỳ lúc nào các quốc gia thành viên đều có thể đề nghị sửa đổi, bổ sung Công ước này bằng cách gửi văn bản cho Tổng thư ký Liên Hợp Quốc.

2. Nếu cần, Đại hội đồng Liên Hợp Quốc sẽ quyết định các biện pháp phải tiến hành trong trường hợp có đề nghị như trên.

Điều 27.

1. Công ước này sẽ có hiệu lực vào ngày thứ 30, kể từ ngày Tổng thư ký Liên Hợp Quốc nhận được văn kiện phê chuẩn hoặc gia nhập thứ 20.

2. Đối với mỗi quốc gia thành viên phê chuẩn hoặc gia nhập Công ước này sau khi văn kiện phê chuẩn hoặc gia nhập thứ 20 được Tổng thư ký Liên Hợp Quốc lưu chiểu, Công ước sẽ có hiệu lực từ ngày thứ 30 kể từ ngày văn kiện phê chuẩn hoặc gia nhập của quốc gia đó được lưu chiểu.

Điều 28.

1. Tổng thư ký Liên Hợp Quốc sẽ nhận và thông báo cho tất cả các quốc gia thành viên những bảo lưu do một quốc gia đưa ra khi phê chuẩn hoặc gia nhập Công ước.

2. Các bảo lưu không phù hợp với mục tiêu và mục đích của Công ước này sẽ không được chấp nhận.

3. Các quốc gia thành viên có thể rút những bảo lưu vào bất kỳ lúc nào bằng một văn bản thông báo gửi cho Tổng thư ký Liên Hợp Quốc, và Tổng thư ký Liên Hợp Quốc sẽ thông báo cho tất cả các quốc gia thành viên về việc đó. Thông báo rút bảo lưu này sẽ có hiệu lực từ ngày Tổng thư ký nhận được.

Điều 29.

1. Mọi tranh chấp giữa hai hoặc nhiều quốc gia thành viên xung quanh việc giải thích hoặc áp dụng Công ước này, nếu không giải quyết được bằng thương lượng thì một trong các quốc gia đó có thể yêu cầu đưa ra hoà giải. Nếu trong vũng 6 tháng kể từ khi yêu cầu hoà giải được đưa ra mà các bên vẫn không đi đến thống nhất được về cách tổ chức hoà giải thì một bên bất kỳ có thể đệ trình vấn đề tranh chấp với Tòa án Công lý quốc tế bằng cách nộp đơn theo đúng quy chế của Tòa án.

2. Mọi quốc gia khi ký hay phê chuẩn Công ước này có thể tuyên bố không bị ràng buộc bởi quy định trong khoản 1 điều 29. Các quốc gia thành viên Công ước khác sẽ không bị ràng buộc bởi nội dung của khoản này trong quan hệ với quốc gia đó có bảo lưu như vậy.

Bất kỳ quốc gia thành viên nào đó có bảo lưu theo khoản 2 điều này đều có thể rút bảo lưu vào bất kỳ lúc nào bằng cách gửi văn bản thông báo cho Tổng thư ký Liên Hợp Quốc.

Điều 30.

Công ước này, mà các văn bản bằng tiếng Ả-rập, Trung, Anh, Pháp, Nga và Tây Ban Nha đều có giá trị như nhau, được nộp lưu chiểu cho Tổng thư ký Liên Hợp Quốc.

Để làm bằng, các đại diện có đủ thẩm quyền có tên dưới đây đó ký vào văn bản Công ước này.